

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 54/2007/NQ-HĐND

*Tam Nông, ngày 18 tháng 7 năm 2007*

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về đề án “Giải quyết việc làm – xuất khẩu lao động” giai đoạn 2007 - 2010**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG KHÓA XVII – KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 6 năm 2007 của UBND huyện Tam Nông trình tại kỳ họp về đề án “Giải quyết việc làm – xuất khẩu lao động” giai đoạn 2007 – 2010; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và thảo luận,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Tán thành thông qua đề án “Giải quyết việc làm – xuất khẩu lao động” giai đoạn 2007 – 2010 với các nội dung chủ yếu sau:

#### **I- MỤC TIÊU TỔNG QUÁT:**

- Tập trung giải quyết cho số lao động không có việc làm ổn định, nâng cao tỷ lệ sử dụng lao động ở khu vực nông thôn, đảm bảo việc làm có thu nhập và ổn định cuộc sống đặc biệt quan tâm đến những người mất đất làm khu công nghiệp, đô thị hóa.

- Giải quyết việc làm gắn với chương trình phát triển kinh tế - xã hội góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động đồng thời với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thông qua đó giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân trong huyện. Phấn đấu từng hộ gia đình đều thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tích cực.

#### **II- MỤC TIÊU CỤ THỂ:**

- + Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn: 85%
- + Đào tạo nghề cho 800 – 850 lao động/ năm (thông qua các lớp đào tạo, các lớp dạy nghề, tập huấn, bồi dưỡng...), phấn đấu đạt 40% số lao động có nghề vào năm 2010.
- + Giải quyết việc làm mới cho 10.200 lao động, giải quyết việc làm thêm cho 8.000 lao động. Bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho 2.700 lao động.

+ Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tích cực: cơ cấu lao động đến 2010: Nông, lâm, ngư nghiệp: 55 – 60%, công nghiệp – xây dựng: 25-28%, thương mại dịch vụ và các ngành nghề khác: 15-17%.

### III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

#### **1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và quản lý của chính quyền, nâng cao nhận thức về QCVL:**

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và quản lý của chính quyền về QCVL. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan đơn vị, của cán bộ, đảng viên, từng gia đình và người dân để mọi người hiểu rõ về giải quyết việc làm và lao động có thu nhập thấp không bị pháp luật ngăn cấm. Nhà nước tạo môi trường thuận lợi, người lao động nâng cao trách nhiệm giải quyết việc làm cho mình và xã hội.

#### **2. Phát triển kinh tế - xã hội tạo việc làm mới thông qua các chương trình:**

##### **2.1 Phát triển nông, lâm, thủy sản:**

Là giải pháp cơ bản, quan trọng tạo ra nhiều việc làm mới. Cần thực hiện chương trình dự án phát triển kinh tế trọng điểm, tạo nhiều việc làm, thu hút nhiều lao động, thâm canh đất nông nghiệp, tăng hệ số sử dụng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chi tiết các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, ưu tiên sản xuất các sản phẩm có quy mô lớn và có thị trường tiêu thụ. Tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, phát triển giao thông, thủy lợi, nội đồng, thủy lợi vùng đồi. Đẩy mạnh cơ khí hóa và những khâu nặng nhọc, giải quyết tốt dịch vụ trong nông nghiệp, nâng cao giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích.

Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế trang trại. Tăng cường đầu tư và hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, chú trọng công tác định canh, định cư, nước sạch và vệ sinh môi trường. Lĩnh vực này sẽ tạo việc làm mới cho 5.500 lao động.

##### **2.2 Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:**

Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển công nghiệp; thu hút mạnh các nguồn vốn đầu tư vào các ngành có lợi thế, các sản phẩm có thị trường tiêu thụ, có khả năng thu hút lao động tăng ngân sách. Lựa chọn ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, khuyến khích thu hút đầu tư các ngành sản xuất, chế biến thực phẩm, phương tiện vận tải, phát triển lưới điện.

Tiếp tục tạo điều kiện thu hút đầu tư vào xây dựng khu công nghiệp Trung Hà và các cụm công nghiệp trên địa bàn. Đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp nhất là các ngành sử dụng nguyên liệu tại chỗ. Đầu tư và phát triển làng nghề, tăng về quy mô và chất lượng sản phẩm hàng hóa, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ phục vụ du

lịch và xuất khẩu. Lĩnh vực này sẽ giải quyết việc làm cho khoảng 800 – 1.000 lao động.

### **2.3 Phát triển các ngành dịch vụ:**

Phát huy lợi thế hệ thống hạ tầng giao thông thuận tiện, đẩy nhanh tốc độ phát triển các dịch vụ ở các xã, thị trấn.

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước và nâng cao chất lượng hoạt động thương mại, dịch vụ; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, quảng bá du lịch, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia kinh doanh thương mại, dịch vụ. Nâng cao chất lượng các mặt hàng phục vụ sản xuất và đời sống.

Nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải; phấn đấu đến năm 2010 năng lực vận tải tăng 2,5 – 3 lần so với năm 2006, đổi mới nâng cao chất lượng hoạt động ngân hàng, các tổ chức tín dụng, nâng cao năng lực dịch vụ viễn thông, tiếp tục thực hiện các dự án cho vay vốn giải quyết việc làm, có kế hoạch cho vay đối với hộ nghèo để đầu tư sản xuất. Đẩy mạnh tiến độ thu hồi vốn, nợ quá hạn, chú trọng cho vay vốn để phát triển làng nghề và phát triển sản xuất.

### **3. Giải quyết việc làm thông qua xuất khẩu lao động:**

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và quản lý của chính quyền đối với công tác xuất khẩu lao động. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng về chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh về XKLD. Tạo điều kiện thuận lợi cho các Công ty được phép tuyển dụng lao động xuất khẩu trên địa bàn mở các hội nghị tư vấn trực tiếp với người lao động. Trước mắt tập trung cho thị trường Malaysia, Trung Đông; từng bước mở rộng thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản.

Ngoài nguồn vốn tín dụng cần tạo các mô hình liên gia tạo vốn xuất khẩu lao động. Từng bước xây dựng sàn giao dịch việc làm đáp ứng yêu cầu thông tin thị trường cho người lao động và chủ sử dụng lao động.

Mở rộng thị trường lao động là một mục tiêu chiến lược, giải pháp quan trọng góp phần cải thiện đời sống người lao động, tạo công ăn việc làm, nâng cao chất lượng lao động. Xác định XKLD là cách giảm nghèo hiệu quả và nhanh nhất. Lĩnh vực này sẽ giải quyết cho khoảng 900 – 1.000 lao động.

### **4. Đào tạo nghề:**

Xây dựng đề án thành lập cơ sở dạy nghề của huyện đến năm 200 và định hướng đến năm 2015, đào tạo nâng cao chất lượng lao động và giải quyết việc làm tại chỗ, giảm chi phí cho người lao động tập trung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề, phối hợp với Trung tâm dạy nghề của tỉnh và các Trung tâm dạy nghề khác mở các lớp đào tạo nghề cho người lao động với nội dung chương trình phù hợp yêu cầu của thị trường lao động trong nước, khu vực và quốc tế.

Nâng cao tỷ lệ lao động được đào tạo nghề đạt 40% trong tổng số lao động hiện có.

Huy động các nguồn lực nâng cao năng lực dạy nghề, có chính sách khuyến khích đào tạo nghề cho XKLĐ (phần đầu có 50 – 60% lao động xuất khẩu có tay nghề), phát triển tiểu thủ công nghiệp, truyền nghề, khôi phục và phát triển nghề thủ công truyền thống. Giới thiệu việc làm trên địa bàn theo hướng: Mạng lưới hợp lý, coi trọng chất lượng, từng bước nâng cao kỹ năng thực hành nghề, người tốt nghiệp nghề thực sự có tay nghề vững vàng để có cơ hội tham gia thị trường lao động trong nước và XKLĐ.

Tổ chức có hiệu quả Chương trình quốc gia dạy nghề cho lao động đặc thù; dạy nghề cho nông dân, người nghèo, người tàn tật, tăng cơ hội tìm kiếm việc làm và tự tạo việc làm.

Thông qua XKLĐ, làm việc trong các nhà máy để có điều kiện nâng cao tay nghề. Thực hiện các hợp đồng với các Trung tâm dạy nghề của tỉnh để đào tạo nghề cho người lao động, tăng cường các lớp tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật thúc đẩy việc thành lập Trung tâm dạy nghề ở huyện.

#### **5. Chương trình hỗ trợ trực tiếp để giải quyết việc làm cho người thiếu việc làm và chưa có việc làm:**

Thông qua các dự án cho vay vốn giải quyết việc làm theo Nghị quyết 120/HĐBT. Tổng mức quay vòng vốn dự kiến: 3.650 triệu đồng.

Xây dựng đề án thành lập Trung tâm dạy nghề, giáo dục định hướng, tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động, dạy nghề ngắn hạn có chất lượng đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp trong, ngoài tỉnh và cho xuất khẩu lao động.

Dự án đào tạo bồi dưỡng cán bộ làm công tác lao động – việc làm nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng xây dựng, quản lý, điều hành và triển khai chương trình việc làm cho cán bộ ở địa phương.

#### **6. Huy động nguồn lực:**

Tổng nguồn lực cho chương trình GQVL 2007 – 2010: 87.468 triệu đồng.

- Ngân sách huyện:	3.200 triệu đồng
- Cho vay người nghèo:	36.000 triệu đồng
- Cho vay xuất khẩu lao động:	1.200 triệu đồng
- Cho vay giải quyết việc làm:	3.650 triệu đồng
- Quỹ đào tạo cán bộ lao động việc làm:	200 triệu đồng
- Từ nguồn tín dụng khác:	43.018 triệu đồng

Thực hiện xã hội hóa chương trình giải quyết việc làm trên địa bàn huyện, khuyến khích nhóm hộ, dòng họ ... liên gia huy động vốn tạo điều kiện cho người thân đi xuất khẩu lao động.

- Khuyến khích nhân dân đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tham gia đào tạo học nghề, tạo mở việc làm.

**7. Tăng cường quản lý Nhà nước:** Về lao động, GQVL và XKLD trong việc xây dựng kế hoạch, cơ chế chính sách, cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế “Một cửa”. Tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho mọi người, mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư vốn phát triển sản xuất, tạo mở việc làm.

#### IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nội vụ - Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các phòng, ban, ngành đoàn thể liên quan, UBND xã, thị trấn tổ chức thực hiện chương trình, GQVL – XKLD, kiểm tra, giám sát, tổng hợp đánh giá kết quả, Định kỳ báo cáo UBND huyện, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

2. Phòng Tài chính – Kế hoạch phối hợp với Phòng NV – LĐTB&XH có trách nhiệm bố trí cân đối ngân sách Nhà nước cấp mới hằng năm cho quỹ GQVL của huyện (theo quy định tại khoản 3, điều 15 của Bộ luật Lao động ) hỗ trợ thực hiện chương trình; lập kế hoạch đào tạo nghề hàng năm.

3. Phòng Giáo dục xây dựng kế hoạch tổ chức công tác hướng nghiệp, dạy nghề cho học sinh trong các trường phổ thông

4. Các phòng quản lý sản xuất, kinh doanh tiến hành xây dựng và chỉ đạo chương trình GQVL trong phạm vi quản lý của đơn vị về thực hiện chương trình theo quy định, báo cáo định kỳ với UBND huyện (qua phòng NV- LĐTB&XH).

5. UBND các xã, thị trấn tiến hành sơ, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện chương trình GQVL – XKLD 2001 – 2006 và xây dựng chương trình GQVL 2007 – 2010 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hằng năm xây dựng kế hoạch cụ thể tổ chức thực hiện chương trình GQVL – XKLD tại địa phương, kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động hàng năm, báo cáo định kỳ với UBND huyện (qua phòng NV – LĐTB&XH).

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện, các đoàn thể nhân dân và cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh công tác tuyên truyền và vận động các tổ chức thành viên, đoàn viên, hội viên tích cực tham gia thực hiện có hiệu quả chương trình GQVL – XKLD của huyện. Kịp thời biểu dương, khen thưởng những cá nhân và tập thể có thành tích trong tạo mở việc làm và GQVL trong huyện.

**V – THỜI GIAN THỰC HIỆN**

Thực hiện từ 07/2007 đến 12/2010.

Năm 2008, UBND huyện tổ chức sơ kếtm đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm.

Năm 2010, tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện đề án.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân huyện giao UBND huyện tổ chức và triển khai thực hiện Nghị quyết.

Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Đại biểu HĐND huyện tăng cường giám sát, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện khóa XVII kỳ họp thứ IX thông qua ngày 18/7/2007.

**CHỦ TỊCH**

**(Đã ký)**

**Phạm Văn Phú**